TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2022/HS-PT
Ngày: 28-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Quan Rin** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Xuân Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 301/2021/TLPT-HS, ngày 22 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Đỗ Viết H và Trần Thị Yến N do có kháng cáo của bị cáo H và bị cáo N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **60**/2021/HS-ST ngày 15/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Viết H** (tên gọi khác: **R)**; sinh ngày 08 tháng 3 năm 1993 tại: T, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: phụ hồ; Con bà: Đỗ Thị H, bị cáo có vợ tên: Trần Thị Yến N; bị cáo có 01 người con sinh năm: 2015

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2021, hiện đang bị tam giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thị Yến N**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1997 tại: N, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Con ông Trần T (đã chết) và bà: Ngô Thị T (đã chết), bị cáo có chồng tên: Đỗ Viết H; bị cáo có 01 con sinh năm: 2015

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 01/01/2016, có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác bị Công an phường A, thành phố T xử phạt số tiền 1.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC 03/02/2016.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Văn T, nguyên đơn dân sự, người quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 20 phút ngày 03/7/2021, Công an xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành bắt quả tang Đỗ Văn T về hành vi trộm cắp dây cáp điện lõi đồng tại Bưu điện xã Tam Xuân 1 thuộc thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Ngoài ra, Đỗ Viết H cùng thực hiện hành vi trộm cắp với T đã bỏ chạy khỏi hiện trường, đến chiều ngày 03/7/2021 Đỗ Viết H và Trần Thị Yến N (vợ H) tới Công an huyện Núi Thành đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Qua điều tra xác định trong các ngày 30/6/2021 và 03/7/2021, các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Viết H và Trần Thị Yến N hai lần trộm dây cáp điện lõi đồng tại Bưu điện xã Tam Xuân 1 bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể như sau:

Ngày 27/6/2021, trên đường về nhà mẹ vợ tại thôn P, xã T, H nhìn thấy tại Bưu điện xã Tam Xuân 1 thuộc thôn Phú Hưng, Tam Xuân 1 có một số cuộn dây cáp điện để ngoài sân, H nảy sinh ý định trộm cắp số dây cáp điện này nên đã rủ T đi trộm cùng, T đồng ý. Trước khi thực hiện kế hoạch, H dùng xe mô tô BKS: 47C-150.12 chở T tới Bưu điện xã Tam Xuân 1 để quan sát, thăm dò địa hình rồi cùng nhau đi tìm nơi tiêu thụ tài sản và chuẩn bị công cụ phạm tội là kìm cộng lực, bao tải để đựng tài sản sau khi trộm được.

Tối ngày 29/6/2021, H và T tới nhà mẹ của N tại thôn Phú Khê, Tam Xuân 2, tại đây, H rủ N cùng tham gia, N đồng ý. Khoảng 0 giờ 15 phút ngày 30/6/2021, N điều khiển xe mô tô BKS: 47C-150.12 chở H và T tới Bưu điện xã Tam Xuân 1 rồi về nhà chờ khi nào H gọi điện thì tới đón.

T và H mang theo kìm, bao tải đột nhập vào trong sân Bưu điện, dùng kìm cắt một cuộn dây cáp dài 115m ra thành nhiều đoạn ngắn bỏ vào 06 bao tải rồi chuyển ra ngoài. H gọi điện cho H tới chở. H chạy xe tới rồi cùng H, T cho các bao tải lên xe mô tô BKS: 47C-150.12 chở về nhà H tại thôn Đồng Hành, xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ để đốt lấy lõi đồng. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, H và T mang số lõi đồng này đến điểm thu mua phế liệu của bà Huỳnh Thị Thu H tại Ngọc Bích, Tam Ngọc, Tam Kỳ, Quảng Nam bán được 97kg đồng với số tiền 16.429.000 đồng. T, Hoàng chia nhau mỗi người 8.000.000 đồng, số tiền này các bị cáo đã tiêu xài hết.

Cũng với thủ đoạn này, khoảng 0 giờ 15 phút, ngày 03/7/2021, H tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS: 47C-150.12 chở H và T tới Bưu điện xã Tam Xuân 1 rồi về nhà. H và T tiếp tục đột nhập vào Bưu điện Tam Xuân 1 cắt được 57 mét dây cáp ra thành nhiều đoạn ngắn bỏ vào hai bao tải. Đến khoảng 01 giờ 00 phút khi H, T đang thực hiện hành vi trộm cắp thì bị lực lượng chức năng phát hiện và đuổi bắt. H bỏ chạy khỏi hiện trường còn T thì bị bắt giữ cùng tang vật là 01 kìm cộng lực và 02 bao tải chứa 35 đoạn dây cáp điện lõi đồng, có trọng lượng 75kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 59/2021-KLĐG ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: 115 mét cuộn dây cáp điện vỏ nhựa, lõi bằng đồng, Sac 2007 200x0.5mm, đã qua sử dụng, giá trị thiệt hại 31.625.000 đồng

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 52/2021-KLĐG ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: 57 mét cuộn dây cáp điện lõi đồng, tổng cộng trọng lượng 75kg, đã qua sử dụng, giá trị thiệt hại 15.675.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã trộm cắp là **47.300.000đ**.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số **60**/2021/HS-ST ngày 15/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Viết H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 03/7/2021.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Yến N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội "trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn T, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 và ngày 26/11/2021, bị cáo Đỗ Viết H xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Thị Yến N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Đỗ Viết H và Trần Thị Yến N giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Đỗ Viết H 36 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 2 Điều 173 là có cơ sở, phù hợp và không nặng, nên đề khị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án hình sự về phần hình phạt đối với bị cáo Đỗ Viết H.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nhi thì thấy, sau khi xét xử bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000đ để khắc phục hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cha, mẹ đều đã chết, chồng là bị cáo H đã bị tạm giam trong cùng trong vụ án, bị cáo một mình phải nuôi con nhỏ và hai anh trai bị tật nguyền, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình

sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, theo hướng giảm cho bị cáo **09** tháng tù.

Riêng đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo H, xét thấy bị cáo phạm tội hai lần nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đỗ Viết H và Trần Thị Yến N có đơn kháng cáo về phần hình phạt của bản án. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Đỗ Viết H, Đỗ Văn T và Trần Thị Yến N đã có hành vi bàn bạc, phân công nhiệm vụ, chuẩn bị công cụ phương tiện là kìm cộng lực và xe mô tô BKS: 47C-150.12 để 02 lần trộm cắp dây cáp điện lõi bằng đồng của Công ty Viễn thông Quảng Nam để tại Bưu Điện xã Tam Xuân 1 thuộc thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, cụ thể là: Ngày 30/6/2021 trộm cắp 115m dây cáp trị giá **31.625.000** đồng; ngày 03/7/2021 trộm cắp 57m dây cáp trị giá **15.675.000** đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là **47.300.000** đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo Đỗ Viết H, Đỗ Văn T và Trần Thị Yến N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo H 36 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* là phù hợp, không nặng, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3.2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, bị cáo H tham gia với vai trò là người giúp sức. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp được số tiền 5.000.000đ để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị cáo là lao động chính phải nuôi con nhỏ và 02 người anh trai khuyết tật *(có giấy xác nhận bị cáo hiện có 2 người anh ruột bị khuyết tật*

được hưởng trợ cấp), đây là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bi cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3.3] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo N thì thấy: Bị cáo phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng là *"Phạm tội 02 lần trở lên"*, căn cứ theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[4] Đối với bị cáo Đỗ Văn T, mặc dù bị cáo không có kháng cáo, tuy nhiên xét thấy, bị cáo T là đồng phạm trong vụ án, khi phạm tội ở tuổi vị thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt 24 tháng tù đối với bị cáo là nghiêm khắc. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong vụ án có đồng phạm và áp dụng chính sách pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn T theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Ngày 14/01/2020 bị cáo T bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 34/HSST ngày 05/5/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 15/02/2021, bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích, nhưng tại phần **[7]** của bản án sơ thẩm nhận định *"Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa được xóa án tính*" là không đúng theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án áp dụng điều luật đối với các bị cáo rồi áp dụng hình phạt mà không tuyên bố phần tội danh đối với các bị cáo đã được Hội đồng xét xử thông qua tại biên bản nghị án là thiếu sót, không đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy những sai sót này không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nhi được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo H không được chấp nhận, nên bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đỗ Viết H**, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đỗ Viết H 36 (Ba mươi sáu)** tháng tù về tội "trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày **03/7/2021**.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trần Thị Yến N**, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Yến N 15 (Mười lăm)** tháng tù về tội "trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo **Đỗ Văn T**.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn T 18 (Mười tám)** tháng tù về tội "trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày **03/7/2021**.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo **Đỗ Viết H** phải chịu **200.000 đ** (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo **Trần Thị Yến N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28-02-2022)

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án; VKS; Công an Núi Thành;
- Chi cục THADS Núi Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Phòng PV 06 CA Q.Nam;
- Trại tạm giam Công an Q. Nam;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên